

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG TRỊ
THPT MÔN HÓA

ĐỀ MINH HỌA TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG THPT VĨNH LINH
2020.

NĂM HỌC 2019-

(Đề thi có 4 trang)

Mã đề thi 132

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: $H = 1$; $C = 12$; $N = 14$; $O = 16$; $Na = 23$;
 $Mg = 24$; $Al = 27$;

$S = 32$; $Cl = 35,5$; $K = 39$; $Ca = 40$; $Fe = 56$; $Cu = 64$; $Zn = 65$; $Ag = 108$; $Ba = 137$.

Câu 1. Etyl axetat là tên gọi của chất nào sau đây ?

- A. $HCOOCH_3$. B. $CH_3COOC_2H_3$ C. $CH_3COOC_2H_5$ D.
 CH_3COOCH_3 .

Câu 2. Chất nào sau đây **không** có phản ứng tráng gương ?

- A. Axit fomic. B. Fructozo. C. Etanal. D.
Axit axetic.

Câu 3. Chất nào sau đây thuộc loại polime thiên nhiên?

- A. Chất béo. B. Amino axit C. Tinh bột.
D. Saccarozo.

Câu 4. Công thức phân tử của glucozo là

- A. $C_{12}H_{22}O_{11}$ B. $C_{12}H_{24}O_{12}$. C. $C_6H_{12}O_6$.
D. $C_6H_{10}O_5$.

Câu 5. Kim loại Fe **không** tan được trong dung dịch nào sau đây?

- A. $FeCl_3$. B. HNO_3 (loãng). C. HCl (đặc, nguội).
D. $ZnCl_2$.

Câu 6. Muối nào sau đây tan được trong nước?

- A. $AgCl$ B. AgI . C. AgF . D.
 $AgBr$.

Câu 7. Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu xanh ?

- A. Anilin. B. Glyxin. C. Alanin. D.
Metylamin.

Câu 8. Trong môi trường kiềm, protein có phản ứng màu biure với ?

- A. $Cu(OH)_2$ B. KCl . C. $NaCl$. D.

$Mg(OH)_2$.

Câu 9. Thủy phân este nào sau đây thu được CH_3OH ?

- A. $HCOOC_2H_5$. B. CH_3COOCH_3 . C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $HCOOCH=CH_2$.

Câu 10. Hợp chất $H_2NCH(CH_3)COOH$ có tên là

- A. valin. B. lysin. C. alanin. D. Glyxin.

Câu 11. Kim loại có khối lượng riêng nhỏ nhất là

- A. NA. B. W. C. Os. D. Li.

Câu 12. Kim loại nào sau đây có tính khử mạnh nhất?

- A. Fe. B. K. C. Ag. D. Al.

Câu 13. Chất X được dùng làm bột nở trong công nghiệp thực phẩm, trong y tế, dùng làm thuốc giảm

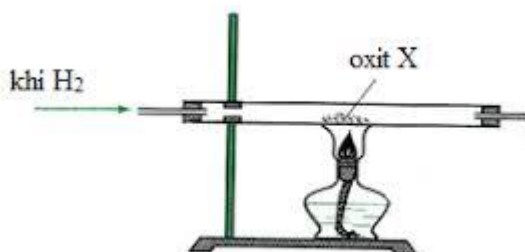
đau dạ dày do thừa axit. Chất X là

- A. $CaCO_3$. B. $CaCl_2$. C. NaCl. D. $NaHCO_3$.

Câu 14. Este nào sau đây được tạo thành khi cho CH_3COOH tác dụng với C_2H_5OH ?

- A. $C_2H_5COOCH_3$. B. $CH_2=CHCOOCH_3$. C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $HCOOCH_3$.

Câu 15. Tiến hành phản ứng khử oxit X thành kim loại bằng khí H_2 (dư) theo sơ đồ hình vẽ dưới đây:



Oxit X là

- A. CuO. B. MgO. C. K_2O . D. Al_2O_3 .

Câu 16. Polime nào sau đây trong thành phần hóa học chỉ có hai nguyên tố C và H?

- A. Polistiren. B. Poli(vinyl clorua). C. Poli(metyl metacrylat) D. Poli(acrilonitrin).

Câu 17. Cho 17,7 gam amin X (no, đơn chức, mạch hở) tác dụng hết với dung dịch HCl, thu được 28,65 gam muối. Công thức phân tử của X là

- A. C_3H_9N . B. $C_4H_{11}N$. C. CH_5N . D. C_2H_7N .

Câu 18. Cho các chất sau: etilen, vinylclorua, metylaxetat, metylacrylat, glyxin. Số chất có thể tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. 5. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 19. Nhận xét nào dưới đây là đúng ?

- A. Este là những chất hữu cơ dễ tan trong nước.
B. Tripeptit hòa tan $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm tạo dung dịch màu xanh lam.
C. Trong phân tử protein luôn có nguyên tử nitơ.
D. Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân của nhau.

Câu 20. Đun nóng 150 ml dung dịch glucozơ 0,2M với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 . Sau khi phản ứng hoàn toàn, thu được a gam Ag. Giá trị của a là

- A. 6,48 B. 3,24. C. 1,62. D. 1,08.

Câu 21. Cho 43,8 gam dipeptit Gly - Ala tác dụng với dung dịch HCl 1,2M, thấy cần vừa đủ V ml. Giá trị của V là

- A. 360. B. 500. C. 720. D. 250.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Hợp chất $CH_2=CHCOOCH_3$ có khả năng tham gia phản ứng tráng gương.
B. Tristearin tồn tại trạng thái rắn ở điều kiện thường.
C. Khi trong phân tử có gốc hiđrocacbon no, chất béo ở trạng thái lỏng.
D. Hợp chất $C_{15}H_{31}COOCH_3$ được gọi là tripanmitin.

Câu 23. Khi thủy phân 486 kg bột gạo có 80% tinh bột (còn lại là tạp chất trơ). Nếu hiệu suất của quá trình sản xuất là 75%, khối lượng glucozơ tạo thành là

- A. 324 kg. B. 648 kg. C. 405 kg. D. 432 kg.

Câu 24. Este X có đặc điểm sau:

- Đốt cháy hoàn toàn X tạo thành CO_2 và H_2O có số mol bằng nhau.
- Thủy phân X trong môi trường axit được chất Y (tham gia phản ứng tráng gương) và chất Z (số

carbon trong Z bằng một nửa số carbon trong X).

Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Đun Z với dung dịch H_2SO_4 đặc ở $170^\circ C$ thu được anken.
B. Chất Y tan ít trong nước.
C. Chất X thuộc loại este không no (một liên kết đôi $C=C$), đơn chức.
D. Đốt cháy hoàn toàn 1 mol X thu được sản phẩm gồm 2 mol CO_2 và 2 mol H_2O .

Câu 25. Hòa tan hoàn toàn 9,45 gam Al bằng dung dịch HNO_3 loãng, dư thu được dung

dịch X và 1,344 lít (ở đktc) hỗn hợp khí Y gồm khí N_2O và N_2 . Tỉ khối của hỗn hợp khí Y so với khí H_2

là 18, cô cạn dung dịch X, thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 75,06. B. 38,34. C. 74,55. D. 79,65.

Câu 26. Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Cho loại kim loại Fe vào dung dịch CuSO_4 .
- (2) Cho lá kim loại Al vào dung dịch HNO_3 loãng, nguội.
- (3) Đốt cháy dây Mg trong khí Cl_2 .
- (4) Cho lá kim loại Fe vào dung dịch CuSO_4 .
- (5) Cho thanh Cu nhúng vào dung dịch AgNO_3 .
- (6) Cho thanh Cu nhúng vào dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$.

Số thí nghiệm có xảy ra phản ứng hóa học là

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 6.

Câu 27. Cho các phát biểu sau:

- (a) Glucozơ và saccarozơ đều là chất rắn có vị ngọt, dễ tan trong nước.
- (b) Tinh bột và xenlulozơ đều là polisaccarit.
- (c) Trong dung dịch glucozơ và saccarozơ đều hoà tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$, tạo phức màu xanh.
- (d) Khi thủy phân hoàn toàn hỗn hợp gồm tinh bột và saccarozơ trong môi trường axit chỉ thu được 1 loại monosaccarit duy nhất.
- (e) Khi đun nóng glucozơ (hoặc fructozơ) với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 thu được Ag.
- (f) Glucozơ và saccarozơ đều tác dụng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) tạo sobitol.
- (g) Xenlulozơ trinitrat được dùng làm thuốc súng không khói.

Số phát biểu đúng là

- A. 5. B. 6. C. 3. D. 4.

Câu 28. Cho các chất sau: saccarozơ, glucozơ, etylaxetat, Gly-Ala-Gly, Lysin, fructozơ, tinh bột. Số chất tham gia phản ứng thủy phân là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 29. Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (1) Cho dung dịch NaI vào dung dịch AgNO_3 .
- (2) Cho dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ dư tác dụng với Cu.
- (3) Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư vào dung dịch NaHCO_3 .
- (4) Cho Mg dư tác dụng với dung dịch FeCl_3 .
- (5) Cho dung dịch NaOH tới dư vào dung dịch AlCl_3 .
- (6) Cho dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ vào dung dịch AgNO_3 .

Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, có bao nhiêu thí nghiệm thu được kết tủa?

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 30. Đốt cháy hoàn toàn m gam một triglixerit X cần vừa đủ x mol O_2 , sau phản ứng thu được CO_2 và y mol H_2O . Biết $m = 78x - 103y$. Nếu cho a mol X tác dụng với dung dịch Br_2 dư thì lượng

Br_2 phản ứng tối đa là 0,15 mol. Giá trị của a là

- A. 0,15. B. 0,08. C. 0,20. D. 0,05.

Câu 31. Hỗn hợp X gồm $MgCO_3$, $NaHCO_3$, $KHCO_3$ và $CaCO_3$ (trong đó số mol $CaCO_3$ bằng $1/5$ số mol hỗn hợp). Cho 41,8 gam X tác dụng hết với dung dịch HCl dư, thu được 10,08 lít CO_2 (ở đktc). Khối lượng KCl tạo thành là

- A. 6,705 gam. B. 8,940 gam. C. 11,175 gam. D. 11,920 gam.

Câu 32. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm: metanal, axit axetic, metyl fomat, axit lactic ($CH_3CH(OH)COOH$) và glucozơ cần V lít O_2 (đktc). Sản phẩm thu được hấp thụ hết vào dung dịch $Ca(OH)_2$. Sau khi kết thúc phản ứng, thu được 10 gam kết tủa và thấy khối lượng dung dịch sau phản ứng tăng thêm 2,4 gam so với khối lượng nước vôi ban đầu. Giá trị của V là

- A. 4,48. B. 1,12. C. 2,24. D. 3,36.

Câu 33. Thủy phân hoàn toàn một este E trong 500 ml dung dịch $NaOH$ 3M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 132,9 gam chất rắn và m gam hơi một ancol no, đơn chức, mạch hở X . Oxi hóa hoàn toàn m gam ancol X thu được hỗn hợp Y gồm andehit, axit, ancol dư và nước. Chia hỗn hợp Y thành 3 phần bằng nhau:

Phần 1: Cho vào dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 54 gam Ag .

Phần 2: Cho phản ứng vừa đủ với dung dịch nước Brom thu được 3,36 lít khí Z (đktc) duy nhất.

Phần 3: Cho tác dụng với Na dư thu được 5,6 lít H_2 (đktc)

Công thức cấu tạo của E là

- A. $CH_2=CHCOOCH_3$. B. $CH_3COOCH_2CH_3$.
C. $C_2H_3COOC_2H_5$. D. $CH_3CH_2COOCH_3$

Câu 34. Hỗn hợp X gồm CH_4 , C_3H_8 , C_2H_4 và C_3H_4 . Đem đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X bằng không khí, sau phản ứng thu được một hỗn hợp gồm a mol N_2 , 0,2 mol O_2 , 0,4 mol CO_2 và 0,5 mol H_2O . Biết rằng trong

không khí N_2 chiếm 80% và O_2 chiếm 20% theo thể tích. Giá trị của a là

- A. 4,4 mol. B. 1,0 mol. C. 3,4 mol. D. 2,4 mol.

Câu 35. Cho 300ml dung dịch chứa đồng thời $Ba(OH)_2$ 1M và $NaOH$ 1,5M vào 150ml dung dịch chứa đồng thời $AlCl_3$ 1M và $Al_2(SO_4)_3$ 0,5M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 52,425. B. 81,600. C. 64,125. D.
75,825.

Câu 36: Hoà tan hết 14,88 gam hỗn hợp gồm Mg, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, Fe_3O_4 vào dung dịch chứa 0,58 mol HCl. Sau khi các phản ứng kết thúc thu được dung dịch X chứa 30,05 gam chất tan và thấy thoát ra 1,344 lít (đktc) hỗn hợp khí Y gồm H_2 , NO, NO_2 có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 14. Cho dung dịch X phản ứng với AgNO_3 lấy dư, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch Z, 84,31 gam kết tủa và 0,224 lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, đktc). Phần trăm theo khối lượng của Mg trong hỗn hợp đầu có giá trị gần bằng

A. 16%. B. 19%. C. 18%. D.
17%.

Câu 37: Cho etan qua xúc tác (ở nhiệt độ cao) thu được một hỗn hợp X gồm etan, etilen, axetilen và H_2 . Tỷ khối của hỗn hợp X đối với etan là 0,4. Hãy cho biết nếu cho 0,4 mol hỗn hợp X qua dung dịch Br_2 dư thì số mol Br_2 đã phản ứng là bao nhiêu?

A. 0,16 mol B. 0,32 mol C. 0,24 mol D.
0,40 mol

Câu 38: X có vòng benzen và có CTPT là $\text{C}_9\text{H}_8\text{O}_2$. X tác dụng dễ dàng với dung dịch brom thu được chất Y có công thức phân tử là $\text{C}_9\text{H}_8\text{O}_2\text{Br}_2$. Mặt khác, cho X tác dụng với NaHCO_3 thu được muối Z có CTPT là $\text{C}_9\text{H}_7\text{O}_2\text{Na}$, X có số công thức cấu tạo là

A. 5. B. 3. C. 4. D. 6.

Câu 39: Hỗn hợp E gồm este X đơn chức và axit cacboxylic Y hai chức (đều mạch hở, không no có một liên kết đôi $\text{C}=\text{C}$ trong phân tử). Đốt cháy hoàn toàn một lượng E, thu được 0,43 mol khí CO_2 và 0,32 mol H_2O . Mặt khác, thủy phân 46,6 gam E bằng 200gam dung dịch NaOH 12% rồi cô cạn dung dịch thu được phần hơi Z có chứa chất hữu cơ T. Dẫn toàn bộ Z vào bình đựng Na, sau phản ứng khối lượng bình tăng 188,85 gam, đồng thời thoát ra 6,16 lít khí H_2 ở đkc. Biết tỉ khối của T so với H_2 là 16. Phần trăm khối lượng của Y trong hỗn hợp E có giá trị gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 46,5%. B. 48%. C. 43,5%. D.
41,3%.

Câu 40: Cho X,Y là hai chất thuộc dãy đồng đẳng của axit acrylic và $M_x < M_y$, Z là ancol có cùng số nguyên tử cacbon với X, T là este hai chức tạo bởi X,Y và Z. Đốt cháy hoàn toàn 11,6 gam hỗn hợp E gồm X,Y,Z,T cần vừa đủ 13,216 lít khí O_2 (đktc), thu được khí CO_2 và 9,36 gam H_2O . Mặt khác cho 11,16 gam hỗn hợp E tác dụng tối đa với dung dịch chứa 0,04 mol Br_2 . Khối lượng muối thu được khi cho cùng lượng E trên tác dụng với KOH dư là

A. 5,44 gam. B. 5,80 gam. C. 4,68 gam. D. 5,04 gam.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ THI 132

1C	2D	3C	4C	5D	6C	D	8A	9B	10C
11D	12B	13D	14C	15A	16A	17A	18B	19C	20A
21B	21B	23A	24D	25D	26D	27A	28B	29D	30D
31D	32A	33A	34C	35C	36D	37C	38A	39A	40C